

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2020/HS-ST**

Ngày: 21-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Vân Giang.

Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà
Vị Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS, ngày 17/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01a/2020/HSST-QĐ, ngày 08/4/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 14/TB-HS, ngày 16/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ, ngày 07/5/2020 đối với bị cáo:

Sùng A V (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1979, tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng A L (đã chết) và bà Vừ Thị C, sinh năm 1964; có vợ là Giàng Thị T, sinh năm 1980 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2019 có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị X, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Bị hại: Chị Giàng Thị D, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Tạ Ngọc V, Luật sư Văn phòng Luật sư Tạ Văn và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Địa chỉ: Tầng 02, Chung cư Packexim I, phường P, quận T, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Giàng Thị T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn P Tỉnh Làng 1, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

2. Ông Giàng Sái C, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người phiên dịch:* Anh Sùng A C - Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Tổ 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2019 bị cáo Sùng A V đi làm thuê ở Trung Quốc, có quen người đàn ông tên V dân tộc Mông, quốc tịch Trung Quốc. Đối tượng V bảo bị cáo Sùng A V về đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc, V sẽ trả công 2000 NDT (*hai nghìn nhân dân tệ*)/01 người. Khoảng 02 tuần sau, khi trở về Việt Nam, bị cáo V nghĩ đến chị Giàng Thị D là người bị cáo quen từ năm 2015, bị cáo V dùng điện thoại di động có số thuê bao 0838099817 liên lạc vào số thuê bao 0853184509 của chị D. Khoảng 22 giờ, ngày 12/4/2019, bị cáo V hẹn và gặp chị D ở khu vực đường dân sinh cách nhà chị D khoảng 50m; sau khi nói chuyện, bị cáo V rủ chị D đi chơi, nhưng thực tế là đưa chị D sang Trung Quốc bán cho đối tượng tên V. Không một chút nghi ngờ động cơ của bị cáo, chị D đồng ý đi cùng trên chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27Z1 - 216.42 của bị cáo V. Bị cáo Sùng A V chở chị D đến nhà một người dân ở cạnh đường thuộc huyện B, tỉnh Lào Cai vào gửi xe, rồi cả hai đi bộ tiếp đến khoảng 11 giờ ngày 13/4/2019 thì tới khu vực vành đai biên giới cách cột mốc số 97+2km về phía thượng lưu sông Hồng. Trong lúc đi, bị cáo V nói “sang Trung Quốc cùng với bị cáo để lấy tiền làm thuê rồi về”, nên chị D đồng ý. Bị cáo V và chị D thuê đồ của một người không quen biết để qua sông Hồng sang địa phận đất Trung Quốc. Khi sang tới bờ bên kia sông, bị cáo V gọi điện cho V đến đón, khoảng 20 phút sau, thấy V đi xe mô tô đến dừng xe cách vị trí bị cáo và chị D đứng khoảng 05m. Bị cáo V ra chỗ V, sau khi hai bên nói chuyện, V đưa cho bị cáo V 200 NDT và hẹn bao giờ bán được chị D sẽ trả nốt 1800 NDT ở chợ Pả Sa - Trung Quốc. Bị cáo V quay lại chỗ chị D và bảo chị D đi cùng V trước rồi chờ ở quán nước, sau đó V sẽ quay lại đón bị cáo V; bị cáo V bảo chị D đưa cho bị cáo cầm giúp chị D 02 điện thoại di động và 01 chiếc túi bên trong có 700.000 đồng. Bị cáo V ở lại chờ nhưng không thấy V đến đón, điện thoại không liên lạc được, từ đó cũng không gặp lại V. Trong khi đó, V đưa chị D đến một ngôi nhà và để chị D ở cùng một người phụ nữ không rõ tên, địa chỉ, rồi đi qua đêm không về. Sáng 14/4/2019, V quay lại đưa cho chị D 01 bộ quần áo mới bảo thay rồi chụp ảnh và đe dọa nếu có người đến mà chị D không đi theo thì sẽ giết chết và ném xác xuống sông. Khoảng 19 giờ cùng ngày, lợi dụng sơ hở chị D đã bỏ trốn từ

Trung Quốc về Việt Nam gọi cho gia đình lên đón về nhà. Ngày 15/10/2019 chị Giàng Thị D tố cáo hành vi của bị cáo Sùng A V đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên.

Cáo trạng số 03/CT-VKS-P2 ngày 27/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Sùng A V để xét xử về tội: *"Mua bán người"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị hại chị Giàng Thị D trình bày: Vào khoảng tháng 4/2016, bị cáo V gọi điện thoại đến số máy 0853184509 của chị để làm quen, qua nhiều lần trò chuyện bị cáo V nói chưa có vợ và muốn lấy chị D làm vợ. Sau đó bị cáo V đến nhà chị D chơi vài lần, thời gian sau đó bị cáo ít liên lạc với chị hơn. Đến khoảng 15 giờ ngày 12/4/2019, bị cáo V liên lạc điện thoại với chị D hẹn sang nhà chơi; khoảng 21 giờ, V hẹn chị D ra ngoài nói chuyện; đến 24 giờ cùng ngày bị cáo đặt vấn đề đưa chị đi Điện Biên chơi, chị đồng ý. Nhưng sau đó, bị cáo Sùng A V chở chị D sang Trung Quốc và giao cho một người đàn ông có quen biết với bị cáo V. Sau khi lên xe, người đàn ông đưa chị D đến một ngôi nhà và để chị ở cùng một người phụ nữ không rõ tên. Sáng 14/4/2019, người đàn ông quay lại đưa cho chị D 01 bộ quần áo mới bảo thay rồi chụp ảnh và đe dọa nếu có người đến mà chị D không đi theo thì sẽ giết chết và ném xác xuống sông. Khoảng 19 giờ cùng ngày, lợi dụng sơ hở chị D đã bỏ trốn từ Trung Quốc về huyện B, tỉnh Lào Cai (Việt Nam) và gọi cho gia đình lên đón về nhà. Chị Giàng Thị D, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Giàng Thị D đề nghị HĐXX: về hình phạt chính, xử phạt bị cáo với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên; về trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra, chị D và ông Giàng Sái C đề nghị buộc bị cáo Sùng A V phải bồi thường các khoản sau: bồi thường cho chị D 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO trị giá 2,5 triệu đồng; 01 điện thoại NOKIA trị giá 500.000đ; 01 ví giả da trị giá 120.000đ và số tiền mặt 700.000đ; bồi thường danh dự, nhân phẩm cho chị D là 200 triệu đồng; bồi thường cho ông Giàng Sái C 11.480.000đ tiền chi phí tìm kiếm. Tổng cộng buộc bị cáo phải bồi thường 215.300.000đồng. Tại phiên tòa, bị cáo V, bị hại chị Giàng Thị D, ông Giàng Sái C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Luật sư Tạ Ngọc V thống nhất bồi thường như sau: bồi thường cho chị D 02 chiếc điện thoại di động trị giá 3.000.000đồng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 700.000đ; 01 ví giả da trị giá 120.000đồng và 10.000.000đồng thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, tổng cộng là 13.820.000đồng; bồi thường cho ông Giàng Sái C 11.480.000đồng chi phí tìm kiếm. Cũng tại phiên tòa, bị hại chị Giàng Thị D xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Sùng A V thừa nhận hành vi phạm tội theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố và Tòa án xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai; công nhận lời khai của bị hại và lời khai của người chứng kiến là đúng.

Cũng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Sùng A V về tội *"Mua bán người"*, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150;

điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 của BLHS, xử phạt bị cáo Sùng A V từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có khả năng về kinh tế. Áp dụng điểm a, điểm b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS đề nghị xử lý vật chứng như sau: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại xe JUPITER biêm kiểm soát 27Z1-216.42 màu sơn đen-đỏ, xe đã cũ thu giữ của bị cáo Sùng A V và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy cho chị Giàng Thị Thào; trả lại cho bị cáo Sùng A V 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Sùng A V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Jdodo + sim thu giữ của bị cáo Sùng A V; tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Sùng A V; trả lại cho bị hại Giàng Thị D 01 điện thoại OPPO màn hình cảm ứng màu hồng; buộc bị cáo Sùng A V nộp 200 NDT quy đổi là 200 NDT x 3.423,12 VNĐ = 684.624 VNĐ làm tròn là 684.600 VNĐ là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 của BLHS; các Điều 584, 585, 587, 592, 357 và Điều 468 của BLDS đề nghị HĐXX ghi nhận thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tổng các khoản là **25.300.000đồng**. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo do bị cáo sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với Luận tội của đại diện VKSND tỉnh đối với bị cáo Sùng A V về tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện hoàn cảnh khó khăn của bị cáo, nhận thức pháp luật hạn chế do thường xuyên sinh sống ở vùng sâu vùng xa, đề nghị áp dụng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, với mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Xử lý vật chứng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và ghi nhận việc bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: bị cáo Sùng A V cố ý đưa ra thông tin giả để đưa bị hại Giàng Thị D sang Trung Quốc bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, thể hiện: trong khoảng thời gian làm thuê tại Trung Quốc bị cáo được một đối tượng tên V hứa hẹn “nếu đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc giao cho V thì sẽ được trả tiền công”. Do đó, lợi dụng sự quen biết từ trước với bị

hại Giàng Thị D; ngày 12/4/2019, bị cáo Sùng A V sử dụng xe máy biển kiểm soát 27Z1-216.42 đến nhà bị hại đưa ra thông tin giả “đưa đi chơi” nhưng thực tế đưa bị hại lên huyện B, tỉnh Lào Cai (Việt Nam) để sang Trung Quốc. Mặc dù tại thời điểm đi sang Trung Quốc bị hại biết và nhất trí đi cùng bị cáo nhưng bị hại không biết mục đích thực sự của bị cáo là mang bị hại giao cho người khác để lấy tiền. Và thực tế, sau khi gặp và trao đổi với đối tượng tên V trên lãnh thổ Trung Quốc, bị cáo đã thống nhất được “V trả công cho bị cáo 2000NDT nhưng trả trước 200NDT còn nợ 1.800NDT”. Sau khi V chở bị hại đi thì không quay lại đón bị cáo và sau đó bị cáo không liên lạc được với V, số tiền 1.800NDT còn lại V cũng chưa trả cho bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Giàng Thị D, lời khai của ông Giàng Sái C, biên bản nhận dạng, biên bản xác định hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ngày 12/4/2019, bị cáo Sùng A V đã có hành vi đưa chị Giàng Thị D ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chuyển giao cho một người khác để nhận 200 NDT (tương đương 684.600VNĐ). Hành vi của bị cáo gây nguy hại rất lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán người*” với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng 03/CT-VKS-P2 ngày 27/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Sùng A V về tội Mua bán người có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm và sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm của con người nói chung và của phụ nữ nói riêng. Việc mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong thời gian qua có nhiều diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi, hành vi phạm tội của bị cáo được che dấu dưới vỏ bọc tình cảm nam nữ; lợi dụng sự cả tin của phụ nữ sinh sống ở vùng sâu, vùng xa thiếu hiểu biết để đưa và bán họ nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội và sự bất bình trong Nhân dân.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Sùng A V sinh ra và cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bản thân không được đi học. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích cá nhân. Bị cáo chưa có tiền sự, chưa có tiền án, không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho bị cáo về tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngày 13/02/2020 bị cáo đã tự nguyện nộp 20 triệu đồng để bồi thường cho bị hại (do ông Vàng A Ch nộp hộ) theo biên lai thu tiền số AB/2010/02160 ngày 13/2/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, vì vậy có cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại Giàng Thị D xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị

cáo; bị cáo có ông ngoại tên là Vừ A D được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang Hạng Ba và Huy chương chiến thắng Hạng Nhì vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo Sùng A V hình phạt tù phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng cũng cho bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật đối với những người phạm tội thực sự ăn năn hối cải; trong vụ án này, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội, bị cáo có ông ngoại được tặng thưởng Huy chương chiến thắng Hạng Nhì và Huân chương chiến sĩ vẻ vang Hạng Ba, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét thấy áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Người bào chữa cho bị cáo, bị hại và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại về hình phạt chính đối với bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 150 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có thu nhập thường xuyên, không có tài sản. Người bào chữa cho bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đều đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Xử lý vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a, điểm b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS; điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của BLHS xử lý vật chứng như sau:

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại xe JUPITER biếm kiểm soát 27Z1-216.42 màu sơn đen-đỏ, xe đã cũ thu giữ của bị cáo Sùng A V là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội cần tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị sung vào ngân sách nhà nước và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy cho chị Giàng Thị T là đồng sở hữu hợp pháp do chị Thào không biết việc bị cáo sử dụng xe máy vào việc phạm tội;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Jdodo + sim thu giữ của bị cáo Sùng A V

không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo;

- 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Sùng A V thu giữ của bị cáo V không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo Sùng A V;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Sùng A V cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại OPPO màn hình cảm ứng màu hồng thu giữ của chị Giàng Thị T quá trình tố tụng đã làm rõ thuộc sở hữu hợp pháp của chị Giàng Thị D nên cần trả lại cho bị hại Giàng Thị D;

- Đối với số tiền 200 NDT bị cáo đã nhận được từ đối tượng V khi chuyển giao chị D, theo Công văn số 89/ĐB1-TH,NS&KSNB, ngày 31/01/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên tỷ giá trao đổi bằng đồng Nhân dân tệ tại thời điểm từ ngày 11/4/2019 đến ngày 17/4/2019 là 3.423,12 VNĐ, do đó quy đổi 200 NDT= 684.624 VNĐ làm tròn là 684.600 VNĐ bị cáo đã sử dụng cho mục đích cá nhân hết, cần truy thu buộc bị cáo nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối tượng tên V theo lời khai của bị cáo là người Trung Quốc đã nhận chuyển giao chị Giàng Thị D, do không đủ thông tin để Cơ quan cảnh sát điều tra xác minh làm rõ, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo và chị Giàng Thị D, ông Giàng Sái C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Luật sư Tạ Ngọc V thỏa thuận như sau: bị cáo bồi thường cho chị D 02 chiếc điện thoại di động trị giá 3.000.000đồng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 700.000đ; 01 ví giả trị giá 120.000đồng và 10.000.000đồng thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, cộng các khoản là **13.820.000đồng**; bồi thường cho ông Giàng Sái C **11.480.000đồng** chi phí tìm kiếm, tổng cộng bị cáo phải bồi thường là **25.300.000đồng**; xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên HĐXX căn cứ vào điều 48 của BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của BLDS; Điều 5 của BLTTDS ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Theo biên lai thu tiền số AB/2010/02160 ngày 13/2/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên bị cáo đã tự nguyện nộp 20 triệu đồng để bồi thường cho bị hại (do ông Vàng A C nộp hộ), bị cáo còn phải bồi thường tiếp **5.300.000đồng**.

[10] Về án phí:

Bị cáo Sùng A V sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020, gia đình thuộc hộ nghèo; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, Hội đồng xét xử thấy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 150; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 48; điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của BLHS.

- Điều 584; Điều 585; Điều 592; Điều 357; Điều 468 của BLDS; Điều 5 của BLTTDS;

- Điểm a, điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135, Điều 136 của BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố:

Bị cáo Sùng A V phạm tội *Mua bán người*. Xử phạt bị cáo Sùng A V 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2019.

2. Trách nhiệm bồi thường dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo Sùng A V và chị Giàng Thị D, ông Giàng Sái C cụ thể như sau:

- Bị cáo Sùng A V có trách nhiệm bồi thường cho chị Giàng Thị D: 02 chiếc điện thoại di động trị giá 3.000.000đồng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 700.000đ; 01 ví giả da trị giá 120.000đồng và thiệt hại về danh dự, nhân phẩm là 10.000.000đồng, tổng cộng là **13.820.000đồng**.

- Bị cáo Sùng A V có trách nhiệm bồi thường chi phí tìm kiếm cho ông Giàng Sái C là **11.480.000đồng**.

Theo biên lai thu tiền số AB/2010/02160 ngày 13/2/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên bị cáo Sùng A V đã tự nguyện nộp 20 triệu đồng để bồi thường cho bị hại (do ông Vàng A C nộp hộ), bị cáo còn phải bồi thường tiếp **5.300.000đồng**.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Giàng Thị D, ông Giàng Sái C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Sùng A V chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Xử lý vật chứng:

* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại xe JUPITER biểm kiểm soát 27Z1-216.42 màu sơn đen-đỏ; số khung RLCUE1340GY022283; số máy E3S1E-051742 xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong, thu giữ của bị cáo Sùng A V;

* Trả lại cho bị cáo Sùng A V các vật sau: 01 giấy phép lái xe mô tô số AP 956631 mang tên Sùng A V, cấp ngày 21/9/2010 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Jdodo loại điện thoại bàn phím màu đen, viền trắng bên trong có nắp thẻ sim Vinaphone số 0838099817, số IMI: 865858091252069 được niêm phong vào một phong bì công văn của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Điện Biên được dán kín các mép. Mặt trước phong bì ghi chữ viết tay: “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Jdodo thu giữ của bị cáo Sùng A V được niêm phong ngày 03/01/2020 trong vụ án Mua bán người, xảy ra tại Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên”. Mặt sau phong bì trên mép dán có các chữ ký và họ tên của Đào Quang D, Lê Thị X, Ngô Tiến Q, Ly A H, điểm chỉ ngón trỏ phải của Sùng A V và đóng 02 hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên.

* Trả lại cho chị Giàng Thị T: ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại xe JUPITER biểm kiểm soát 27Z1-216.42 màu sơn đen-đỏ; số khung RLCUE1340GY022283; số máy E3S1E-051742 xe đã cũ thu giữ của bị cáo Sùng A V.

* Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015466 mang tên Sùng A V cấp ngày 18/01/2018.

* Trả lại cho chị Giàng Thị D 01 điện thoại OPPO màn hình cảm ứng màu hồng đã được niêm phong.

(Toàn bộ các vật chứng trên được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28/02/2020)

4. Truy thu tiền bị cáo thu lợi bất chính như sau: Buộc bị cáo Sùng A V nộp 684.600đồng (*sáu trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm đồng*) sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Sùng A V.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại chị Giàng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Giàng Sái C có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Giàng Thị T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao;
- Vụ giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an Tỉnh Điện Biên (PC04);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại, NTGTT;
- Người bào chữa;
- Người BVQ&LIHP cho BH;
- Cục THA dân sự tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- UBND xã (T/B);
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa

